

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/9

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

1. Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

Trilon® M Granules SG

Sử dụng: complexing agents for the chemical industry

Công ty:

BASF Vietnam Co. Ltd.
12 Tu do Boulevard, Vietnam-Singapore IP
Thuan An, Binh Duong, VIETNAM
Điện thoại: +84 6503 743-100
Số fax: +84 6503 743-200
Địa chỉ mail: thixuanthuy.nguyen@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng nguy hiểm

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

3. Thông tin về thành phần nguy hiểm

Bản chất của hoá chất

Alanine, N,N-bis(carboxymethyl)-, trisodium salt

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

4. Biện pháp sơ cấp cứu khi gặp tai nạn

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:
Súc miệng và sau đó uống nhiều nước.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Không có những triệu chứng đáng kể nào do việc không phân loại sản phẩm.
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
bột khô, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:
cacbon dioxide

Những mối nguy hiểm cụ thể:
những chất dạng hơi có hại
Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:
Mức độ rủi ro được kiểm soát bởi chất cháy và các điều kiện cháy. Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

Những cảnh báo cá nhân:
Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Cảnh báo môi trường:
Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:
Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.
Cho lượng lớn: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.
Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

7. Sử dụng và bảo quản

Sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Phòng chống cháy nổ:
Tránh bụi. Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

Lưu trữ

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, Thép không gỉ 1.4541, Thép không gỉ 1.4571, Thép không gỉ 1.4439, Thép không gỉ 1.4301 (V2), Thép không gỉ 1.4401, Thép không gỉ 1.4539, Thép không gỉ 1.4361, giấy
Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

8. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

sodium hydroxide, 1310-73-2;
CLV 2 mg/m³ ()
Giá trị TWA 0.5 mg/m³ (OEL (VN))
Giá trị STEL 1 mg/m³ (OEL (VN))

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:
Yêu cầu thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thẩm thấu > 480 phút theo EN 374):

ví dụ cao su nitril (0.4 mm), cao su chloropren (0.5 mm), polyvinylchloride (0.7 mm) và chất khác

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm
Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
 Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Yêu cầu mặc trang phục làm việc bố sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

9. Đặc tính hóa lý

Dạng:	các hạt	
Màu sắc:	Màu trắng	
Mùi:	đặc trưng của sản phẩm	
Ngưỡng mùi:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Giá trị pH:	10.5 - 12.5 (10 g/l, 23 °C)	(DIN 19268)
pKA:	10.6 (20 °C)	(OECD - Hướng dẫn 112)
Điểm nóng chảy:	Chất / sản phẩm phân hủy do đó không được xác định.	
điểm phân hủy:	> 300 °C	(DIN EN ISO 3146)
Điểm sôi:	bị chảy nhỏ giọt	
Điểm chớp cháy:	không áp dụng	
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không bắt cháy	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Tự bắt cháy:	không tự cháy	
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	6 hPa (tương đương 25 °C) chứa nước	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	650 - 900 kg/m ³	(DIN ISO 697)
Tỷ trọng hơi (không khí):	không được xác định	
Tính tan trong nước:	tương đương 600 g/l	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
 Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Khả năng pha trộn với nước:

hoà tan

Phép nghiệm ẩm: Không hút ẩm

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): ≤ -4
 (25 °C; Giá trị pH: 11.4)

(Chỉ thị 92/69/EEC, A.8)

Sức căng bề mặt: 71.5 mN/m
 (20 °C; 1 g/l)

(Chỉ thị 84/449/EEC, A.5,
 OECD harmonized ring
 method)

Tính nhớt, động lực:

không áp dụng

Thông tin khác:

Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Những điều kiện cần tránh:

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Những chất cần tránh:

các kim loại lưỡng tính, các kim loại nhẹ

Sự ăn mòn kim loại: Gây ăn mòn kim loại trong môi trường nước hoặc ẩm.

Những phản ứng nguy hiểm:

Mặc dù các biện pháp khử bụi công nghiệp đã thực hiện để bảo vệ sức khoẻ nhưng không thể loại trừ nguy cơ bụi nổ.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Độc cấp tính

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50 chuột (miệng): $> 2,000$ mg/kg (Chỉ thị 92/69/EWG, B.1)LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 5 mg/l 4 hLD50 chuột (da): $> 2,000$ mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

Kích ứng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

Dị ứng da/hô hấp

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mẫn cảm. (OECD hướng dẫn 406)

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Thí nghiệm trên cấu trúc tế bào của động vật có vú cho thấy sản phẩm gây đột biến nhiễm sắc thể. Ở nồng độ cao, các đặc tính của phức hợp chelate sẽ cản trở các ion dương thiết yếu trong môi trường dinh dưỡng và trong các tế bào. Chất không gây đột biến trong thí nghiệm với động vật có vú.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm Ames

tiêu cực (OECD hướng dẫn 471)

Thí nghiệm Ames

tiêu cực (OECD hướng dẫn 472)

Thí nghiệm di truyền học tế bào

Tác động gây đột biến gen thể hiện trong ống nghiệm đã không được chứng minh trong thí nghiệm trên sinh vật sống. (OECD hướng dẫn 473)

Thí nghiệm HGPRT

tiêu cực (OECD hướng dẫn 476)

Thí nghiệm vi hạch

tiêu cực (OECD hướng dẫn 474)

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Trong những nghiên cứu lâu dài trên chuột khi cho chúng ăn, không ghi nhận được tác dụng gây ung thư.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

chuột (cho vào miệng)

Kết quả: tiêu cực

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Các kết quả được xác định trong Thí nghiệm sàng lọc (OECD 421/422).

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

chuột (cho vào miệng)
NOAEL Teratog.: 1,000 mg/kg

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Chất có thể là nguyên nhân gây tổn hại đến thận khi nhiều lần ăn phải với liều lượng cao, biểu hiện trong những nghiên cứu trên động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Độc mãn tính
chuột cho vào miệng
NOAEL: 262 mg/kg

Nguy cơ khi hít vào

không áp dụng

12. Thông tin về sinh thái môi trường

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:
Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Dựa trên dữ liệu nghiên cứu độc tính (mạn tính) lâu dài, sản phẩm hầu như không gây hại cho sinh vật dưới nước Sự kìm hãm quá trình phân hủy của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:
LC50 (96 h) > 100 mg/l, Brachydanio rerio (OECD 203; ISO 7346; 84/449/EEC, C.1)

Loài không xương sống thủy sinh:
EC50 (48 h) > 100 mg/l, Daphnia magna (Hướng dẫn OECD 202, phần 1)

Thực vật thủy sinh:
EC50 (72 h) > 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Scenedesmus subspicatus (Chỉ thị 92/69/EEC, C.3, tính điện)
Ảnh hưởng hạn chế đến sự phát triển của tảo do sự hình thành chelat

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:
EC20 (0.5 h) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (Hướng dẫn OECD 209, hiệu khí)

Độc mãn tính cho loài cá:
Nồng độ tác động không quan sát được (28 d) $\geq$ 100 mg/l, Oncorhynchus mykiss (OECD-Hướng dẫn 204, Chảy qua.)
Nồng độ danh nghĩa.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:
Nồng độ tác động không quan sát được, $\geq$ 100 mg/l, Daphnia magna (Hướng dẫn OECD 202, phần 2)

Vi sinh vật sống trong đất:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

LC50 (14 d) 142 mg/kg, Giun *Eisenia foetida* (Hướng dẫn OECD 207, đất nhân tạo)
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật trên cạn:

EC50 (19 d) 794 mg/kg, *Avena sativa* (Hướng dẫn OECD 208)

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.
Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H_2O):
Có thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

Thông tin bị đào thải:

> 80 % BOD của COD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) Có thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

80 - 90 % TIC của ThIC (60 d) () (kị khí)

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học:

Dự kiến không có sự tích tụ đáng kể trong các cơ quan do hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow).

13. Biện pháp và quy định về tiêu huỷ hoá chất

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

14. Quy định về vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 11.07.2015
Sản phẩm: **Trilon® M Granules SG**

Phiên bản: 1.0

(30513095/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 12.07.2015

hiểm theo những qui định vận tải

transport regulations

15. Thông tin về luật pháp

Những quy định của Cộng đồng Châu Âu (Dán nhãn)

Sản phẩm không yêu cầu nhãn hiệu cảnh báo nguy hại theo Các chỉ thị EC.

Những quy định khác

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Thông tin khác

Thông tin cho việc dự kiến sử dụng: Sản phẩm này là của đặc trưng công nghiệp và trừ khi được chỉ rõ hoặc đồng ý khác được dùng dành riêng cho ngành công nghiệp. Bao gồm cách sử dụng được đề cập và đề nghị. Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Trong sự liên hệ cụ thể này, việc áp dụng cho những sản phẩm là mục tiêu của những quy định và tiêu chuẩn đặc biệt.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hoá chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.